

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

**CÔNG TY CP ÁC QUY TIA SÁNG**

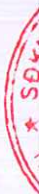
Địa chỉ : Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mã số thuế : 0200168458

Mã chứng khoán : TSB

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **Quý III năm 2024**



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
1 . Nội dung	1
2 . Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3 . Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	4 - 5
4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý III năm 2024	6
5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý III năm 2024	7
6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III năm 2024	8 - 23

\*\*\*\*\*

## Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BCN ngày 22 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Công ty Ác quy Tia Sáng thành Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200168458, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Phùng Trọng Tú	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Lương Văn Tuyến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2024)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Trọng Tú	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Lương Văn Tuyến	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phùng Trọng Tú (Giám đốc)

Các thành viên Ban Kiểm soát toán bao gồm:

Bà Hoàng Thúy Hà	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Nguyễn Đình Trung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Bà Vũ Thu Hiền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ quý III năm 2024 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc  
  
Phùng Trọng Tú

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.129.973.297</b>	<b>85.810.415.919</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>III.1</b>	<b>2.245.336.989</b>	<b>1.465.651.091</b>
1. Tiền	111		2.245.336.989	1.465.651.091
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>III.2</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.000.000.000	19.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.601.067.268</b>	<b>12.521.691.989</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	III.3	13.401.327.260	16.962.807.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.012.888.644	82.416.090
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	III.4	1.096.637.393	410.501.992
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.909.786.029)	(4.934.033.834)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>III.6</b>	<b>45.439.409.766</b>	<b>49.470.313.756</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.636.010.113	49.682.782.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(196.600.347)	(212.468.833)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>844.159.274</b>	<b>3.352.759.083</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	III.9a	3.562.042	74.942.054
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		840.597.232	2.972.117.929
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	III.14	-	305.699.100
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.565.306.105</b>	<b>23.108.651.453</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.441.331.195</b>	<b>22.352.776.778</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	III.8	18.441.331.195	21.352.776.778
- Nguyên giá	222		145.087.136.060	144.266.681.426
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.645.804.865)	(122.913.904.648)
2. Tài sản cố định vô hình	227	III.10	1.000.000.000	1.000.000.000
- Nguyên giá	228		1.000.000.000	1.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>621.533.011</b>	<b>317.219.774</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	III.7	621.533.011	317.219.774
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>502.441.899</b>	<b>438.654.901</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	III.9b	502.441.899	438.654.901
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>116.695.279.402</b>	<b>108.919.067.372</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.741.889.917</b>	<b>29.552.246.439</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.561.174.108</b>	<b>29.381.314.003</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	III.11	5.534.325.564	3.268.280.979
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		802.470.926	3.488.060.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	III.14	1.698.496.954	1.092.459.762
4. Phải trả người lao động	314		1.581.812.812	5.033.083.392
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	III.12a	6.126.291	284.105.681
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	III.15a	339.814.806	426.024.659
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	III.13	25.337.760.046	15.083.114.871
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		260.366.709	706.183.877
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>180.715.809</b>	<b>170.932.436</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	III.15b	180.715.809	170.932.436
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>80.953.389.485</b>	<b>79.366.820.933</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>III.16</b>	<b>80.953.389.485</b>	<b>79.366.820.933</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		67.454.800.000	67.454.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		67.454.800.000	67.454.800.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.738.382.855	7.525.722.200
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.760.206.630	4.386.298.733
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	154.786.746
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.760.206.630	4.231.511.987
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>116.695.279.402</b>	<b>108.919.067.372</b>

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thỏa

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



Phùng Trọng Tú

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý III năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	44.298.618.723	34.968.334.176	144.051.266.458	123.175.255.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.348.694.887	948.890.755	3.918.946.558	1.945.770.113
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	42.949.923.836	34.019.443.421	140.132.319.900	121.229.485.185
4. Giá vốn hàng bán	11	21	36.783.705.088	28.814.164.925	118.499.944.043	104.666.817.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.166.218.748	5.205.278.496	21.632.375.857	16.562.667.265
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	698.365.522	111.787.435	1.598.958.337	532.709.322
7. Chi phí tài chính	22	23	276.981.963	61.143.790	808.724.241	231.968.201
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		157.457.785	61.143.790	479.596.559	219.123.596
8. Chi phí bán hàng	25	26a	3.821.861.847	2.545.736.127	10.684.803.182	8.747.180.577
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26b	1.466.893.473	1.282.788.840	4.537.278.181	4.485.689.443
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.298.846.987	1.427.397.174	7.200.528.590	3.630.538.366
11. Thu nhập khác	31	24	360.000	15.582.500	1.080.000	17.502.500
12. Chi phí khác	32	25	750.000	-	806.812	166.399
13. Lợi nhuận khác	40		(390.000)	15.582.500	273.188	17.336.101
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.298.456.987	1.442.979.674	7.200.801.778	3.647.874.467
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	226.420.490	288.595.935	1.440.595.148	729.608.174
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.072.036.497	1.154.383.739	5.760.206.630	2.918.266.293
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		159	171	854	433

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thỏa

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



Phùng Trọng Tú

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.200.801.778</b>	<b>3.647.874.467</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>3.365.049.118</b>	<b>4.495.273.863</b>
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.731.900.217	4.185.253.525
- Các khoản dự phòng	03		(40.116.291)	109.354.438
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		168.477.291	12.844.605
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(974.808.658)	(31.302.301)
- Chi phí lãi vay	06		479.596.559	219.123.596
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>10.565.850.896</b>	<b>8.143.148.330</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.980.154.100	1.508.774.391
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.046.772.476	6.287.691.192
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.971.983.942)	419.173.273
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.593.014	(350.921.280)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(479.439.332)	(236.004.688)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.087.952.962)	(281.580.130)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			349.669.818
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(868.968.366)	(936.116.533)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.192.025.884</b>	<b>14.903.834.373</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.124.767.871)	(189.474.148)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	15.222.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		207.781.248	31.302.301
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(18.916.986.623)</b>	<b>(142.949.347)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		86.500.606.936	27.852.448.842
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(76.245.961.761)	(35.895.420.602)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.478.148.518)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.750.486.880)	(3.372.740.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>6.504.158.295</b>	<b>(12.893.860.278)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>779.197.556</b>	<b>1.867.024.748</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.465.651.091</b>	<b>1.186.267.692</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		488.342	4.920.467
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>III.1</b>	<b>2.245.336.989</b>	<b>3.058.212.907</b>

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thỏa

Giám đốc

Phùng Trọng Tú



## CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý III năm 2024

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BCN ngày 22/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Ắc quy Tia sáng thành Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200168458 (mã số cũ: 02030001032), đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty : Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 67.454.800.000 VND, được chia thành 6.745.480 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Trong đó Tập đoàn Hoà chất Đức Giang sở hữu 3.440.252 cổ phần tương đương 34.402.520.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất ắc quy các loại

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy. Chi tiết: sản xuất, sửa chữa các loại ắc quy;
- Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nguyên liệu; vật tư sản xuất ắc quy;
- Bán buôn phụ tùng ắc quy.

### Cấu trúc doanh nghiệp

\* Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Chi nhánh Hà Nội	Số 18/44 Đức Giang, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 800 Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Số 63 Đường S11, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

\* Số lao động: Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 155 lao động.

## II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán kỳ này: Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng đến một năm và được ghi nhận theo giá gốc.

### 8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không khấu hao	

### 9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

### 12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### 13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### 15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 16. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

---

#### **19. Chi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do tỷ giá hối đoái của nghiệp vụ phát sinh có liên quan đến ngoại tệ

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### **21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty là Công ty CP tập đoàn Hoá chất Đức Giang với tư cách là Công ty mẹ, các công ty con, Công ty liên kết do Công ty mẹ đầu tư và chi phối hoặc có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)****III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Tiền mặt	262.649.853	162.171.232
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.982.687.136	1.303.479.859
	<u><b>2.245.336.989</b></u>	<u><b>1.465.651.091</b></u>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>
- Tiền gửi từ 06 tháng đến 12 tháng	37.000.000.000	19.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<u><b>37.000.000.000</b></u>	<u><b>19.000.000.000</b></u>

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>20.593.440</b>	<b>6.771.600</b>
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	20.593.440	6.771.600
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>13.380.733.820</b>	<b>16.956.036.141</b>
- Bakather General Trading LLC	15.822	2.808.841.521
- Công ty Cổ phần BMC Vinh Phúc	576.720.000	788.324.940
- Công ty Cổ phần Entec kỹ thuật năng lượng	537.926.400	-
- Công ty trách nhiệm hữu hạn ắc quy Tân Toàn	525.929.591	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.740.142.007	13.358.869.680
	<u><b>13.401.327.260</b></u>	<u><b>16.962.807.741</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phải thu về lãi tiền gửi	884.457.549	117.430.139
Phải thu người lao động	103.590.144	108.037.607
Phải thu về tạm ứng	79.683.784	151.748.598
Ký cược, ký quỹ	12.000.000	12.000.000
Phải thu khác	16.905.916	21.285.648
	<u><b>1.096.637.393</b></u>	<u><b>410.501.992</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		

## CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

#### 5. NỢ XẤU VÀ KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Duy Thịnh	838.646.000	-	838.646.000	-
Công ty TNHH DVTM Hồng Hà	482.504.836	-	482.504.836	-
DNTN TM&DV Thiện Ngân	440.000.007	-	440.000.007	-
Công ty TNHH Phong Lâm	431.170.879	-	431.170.879	-
Cửa hàng ắc quy Trường Nhật	399.330.910	-	399.330.910	-
Các đối tượng khác	2.597.338.762	279.205.365	2.647.113.476	304.732.274
	<u>5.188.991.394</u>	<u>279.205.365</u>	<u>5.238.766.108</u>	<u>304.732.274</u>

#### 6. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.464.074.868	-	17.654.138.910	-
Công cụ, dụng cụ	4.471.836.767	-	4.096.933.074	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	15.562.822.092	-
Thành phẩm	17.871.471.443	(196.600.347)	8.832.540.502	(212.468.833)
Hàng hoá	67.115.774	-	156.948.854	-
Hàng gửi đi bán	2.761.511.261	-	3.379.399.157	-
	<u>45.636.010.113</u>	<u>(196.600.347)</u>	<u>49.682.782.589</u>	<u>(212.468.833)</u>

#### 7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Xây dựng phòng thí nghiệm Pin Lithium	-	317.219.774
- Xây dựng Nhà trưng bày sản phẩm	621.533.011	-
	<u>621.533.011</u>	<u>317.219.774</u>

#### 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Trang 15)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

#### 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.562.042	68.138.600
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	6.803.454
	<u>3.562.042</u>	<u>74.942.054</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	128.647.521	263.240.982
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	334.927.854	89.563.426
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.866.524	85.850.493
	<u>502.441.899</u>	<u>438.654.901</u>

#### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/9/2024 của Công ty có nguyên giá 1 tỷ VND là quyền sử dụng đất lâu dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 572895 ngày 10/08/2011, diện tích 200,8 m<sup>2</sup> tại lô đất số 800 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Lô đất hiện được sử dụng để mở Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

### 8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số dư đầu năm	24.120.117.569	106.597.326.920	3.992.562.862	452.958.000	9.103.716.075	144.266.681.426
- Mua trong năm	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	320.454.634	-	-	-	-	320.454.634
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>24.440.572.203</b>	<b>107.097.326.920</b>	<b>3.992.562.862</b>	<b>452.958.000</b>	<b>9.103.716.075</b>	<b>145.087.136.060</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	17.504.567.687	94.623.406.883	3.984.785.106	442.224.194	6.358.920.778	122.913.904.648
- Khấu hao trong năm	631.773.898	2.594.296.599	7.777.756	10.733.806	487.318.158	3.731.900.217
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>18.136.341.585</b>	<b>97.217.703.482</b>	<b>3.992.562.862</b>	<b>452.958.000</b>	<b>6.846.238.936</b>	<b>126.645.804.865</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	6.615.549.882	11.973.920.037	7.777.756	10.733.806	2.744.795.297	21.352.776.778
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>6.304.230.618</b>	<b>9.879.623.438</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.257.477.139</b>	<b>18.441.331.195</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.922.870.974 VND

83.531.401.170 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)****11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<i>Bên liên quan</i>	<b>126.603.164</b>	<b>264.013.349</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	123.529.586	131.247.792
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	803.520	115.180.648
Công ty TNHH Văn Minh	2.270.058	17.584.909
<i>Bên khác</i>	<b>5.407.722.400</b>	<b>3.004.267.630</b>
Công ty CP Nhựa Cơ khí & XD Thuận Hưng	-	679.216.320
Công ty TNHH Kim Vũ Minh	502.078.177	296.503.856
Thai United Industry CO.,Ltd	679.043.592	-
Công ty TNHH Kim Loại Màu Trường Hưng	1.746.844.550	-
Các khoản phải trả khác	2.479.756.081	2.707.763.774
	<u><b>5.534.325.564</b></u>	<u><b>3.268.280.979</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	6.126.291	5.969.064
Chi phí tiền điện trích trước	-	185.544.025
Chi phí tư vấn định giá	-	92.592.592
	<u><b>6.126.291</b></u>	<u><b>284.105.681</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (Trang 17)**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC** (Trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)****13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2024		Trong năm		30/09/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	15.083.114.871	15.083.114.871	86.500.606.936	76.245.961.761	25.337.760.046	25.337.760.046
BIDV	15.083.114.871	15.083.114.871	53.968.568.652	43.713.923.477	25.337.760.046	25.337.760.046
VCB	-	-	32.532.038.284	32.532.038.284	-	-
Cộng vay ngắn hạn	15.083.114.871	15.083.114.871	86.500.606.936	76.245.961.761	25.337.760.046	25.337.760.046
b) Vay dài hạn						

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)****14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Dư đầu kỳ		Số phát sinh trong năm		Dư cuối kỳ	
	Phải thu 01/01/2024	Phải nộp 01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu 30/09/2024	Phải nộp 30/09/2024
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.407.175.421	2.407.175.421	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	92.072.050	92.072.050	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.087.952.962	1.440.595.148	1.087.952.962	-	1.440.595.148
- Thuế thu nhập cá nhân	-	4.506.800	132.756.759	134.111.001	-	3.152.558
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	305.699.100	-	772.830.530	212.382.182	-	254.749.248
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	11.244.440	11.244.440	-	-
	<b>305.699.100</b>	<b>1.092.459.762</b>	<b>4.856.674.348</b>	<b>3.944.938.056</b>	<b>-</b>	<b>1.698.496.954</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)****15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	195.725.097	195.153.372
Các khoản phải trả, phải nộp khác	144.089.709	230.871.287
- Hỗ trợ bán hàng	43.432.000	34.023.000
- Phí hoa hồng, môi giới	-	80.498.843
- Quỹ từ thiện, an sinh xã hội	72.078.709	87.578.709
- Các khoản phải trả khác	28.579.000	28.770.735
	<b>339.814.806</b>	<b>426.024.659</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	180.715.809	170.932.436
	<b>180.715.809</b>	<b>170.932.436</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	67.454.800.000	7.353.247.291	4.051.799.187	78.859.846.478
Lãi trong năm trước	-	-	2.918.266.293	2.918.266.293
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	172.474.909	(517.424.727)	(344.949.818)
Quỹ đầu tư phát triển	-	172.474.909	(172.474.909)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(344.949.818)	(344.949.818)
Chia cổ tức	-	-	(3.372.740.000)	(3.372.740.000)
Giảm khác	-	-	(6.847.714)	(6.847.714)
Số dư cuối năm trước	<b>67.454.800.000</b>	<b>7.525.722.200</b>	<b>3.073.053.039</b>	<b>78.053.575.239</b>
Số dư đầu năm nay	67.454.800.000	7.525.722.200	4.386.298.733	79.366.820.933
Lãi trong kỳ này	-	-	5.760.206.630	5.760.206.630
Chia cổ tức	-	-	(3.750.486.880)	(3.750.486.880)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	212.660.655	(212.660.655)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(423.151.198)	(423.151.198)
Số dư cuối kỳ này	<b>67.454.800.000</b>	<b>7.738.382.855</b>	<b>5.760.206.630</b>	<b>80.953.389.485</b>
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tập đoàn hóa chất Đức Giang	34.402.520.000	51,00%	34.402.520.000	51,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	33.052.280.000	49,00%	33.052.280.000	49,00%
	<b>67.454.800.000</b>	<b>100%</b>	<b>67.454.800.000</b>	<b>100%</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	67.454.800.000	67.454.800.000
- Vốn góp cuối kỳ	67.454.800.000	67.454.800.000

### d) Cổ phiếu

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.745.480	6.745.480
- Cổ phiếu phổ thông	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.745.480	6.745.480
- Cổ phiếu phổ thông	6.745.480	6.745.480
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

### f) Các quỹ của Công ty

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.738.382.855	7.525.722.200
	<u>7.738.382.855</u>	<u>7.525.722.200</u>

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

## 17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất từ ngày 01/12/1994 đến năm 01/12/2044 với diện tích khu đất thuê là 34.894 m<sup>2</sup> và tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng để sử dụng mục đích xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043 với diện tích 106 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

### b) Ngoại tệ các loại

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đô la Mỹ	USD	10.506,63	1.329,58

## 18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	144.051.266.458	123.175.255.298
	<u>144.051.266.458</u>	<u>123.175.255.298</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)	508.169.140	356.803.200

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)****19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.868.942.558	1.922.300.531
Hàng bán bị trả lại	50.004.000	23.469.582
	<u><b>3.918.946.558</b></u>	<u><b>1.945.770.113</b></u>

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	140.132.319.900	121.229.485.185
	<u><b>140.132.319.900</b></u>	<u><b>121.229.485.185</b></u>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	118.515.812.529	104.666.817.920
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.868.486)	-
	<u><b>118.499.944.043</b></u>	<u><b>104.666.817.920</b></u>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	974.808.658	31.302.301
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	624.149.679	501.407.021
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	<u><b>1.598.958.337</b></u>	<u><b>532.709.322</b></u>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	479.596.559	219.123.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	160.650.391	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	168.477.291	12.844.605
	<u><b>808.724.241</b></u>	<u><b>231.968.201</b></u>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Thu nhập khác	1.080.000	17.502.500
	<u><b>1.080.000</b></u>	<u><b>17.502.500</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)****25. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chi phí khác	806.812	166.399
	<u>806.812</u>	<u>166.399</u>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****a) Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm:**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.757.621	177.525.407
Chi phí nhân công	3.543.147.833	2.301.132.105
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	167.170.604	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.897.629	84.629.014
Thuế, phí và lệ phí	76.580.416	-
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	990.079.658	844.397.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.750.394.012	2.644.629.665
Chi phí khác bằng tiền	2.770.775.409	2.694.866.608
	<u>10.684.803.182</u>	<u>8.747.180.577</u>

**b) Các khoản chi phí quản lý chủ yếu bao gồm:**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.240.305	66.019.593
Chi phí nhân công	2.009.777.432	2.284.722.670
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	32.202.050	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	422.558.857	446.647.554
Thuế, phí và lệ phí	782.653.406	461.548.645
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(24.247.805)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.994.792	482.143.258
Chi phí khác bằng tiền	390.099.144	744.607.723
	<u>4.537.278.181</u>	<u>4.485.689.443</u>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.200.801.778	3.647.874.467
Các khoản điều chỉnh tăng	2.662.304	166.399
Các khoản điều chỉnh giảm	(488.342)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.202.975.740	3.648.040.866
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>1.440.595.148</u>	<u>729.608.174</u>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

## 29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

#### Bên liên quan

- Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
- Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - CN Lào Cai
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn
- Công ty TNHH MTV Thẻ Thao Hóa chất Đức Giang
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắc Nông
- Công ty CP Phốt pho APatit Việt Nam
- Công ty TNHH MTV Phốt pho 6
- Công ty TNHH Văn Minh

#### Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Chi nhánh công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>9 tháng 2024</u>	<u>9 tháng 2023</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>508.169.140</b>	<b>356.803.200</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	138.265.740	46.958.400
- Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - CN Lào Cai	22.736.240	5.916.400
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	298.666.160	239.482.000
- Công ty CP Phốt pho APATIT Việt Nam	5.100.000	43.487.000
- Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	38.682.000	20.959.400
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	579.000	-
- Công ty TNHH Văn Minh	4.140.000	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>1.325.009.720</b>	<b>1.280.182.291</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	987.102.650	192.657.781
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	111.262.838	505.540.262
- Công ty TNHH Văn Minh	226.644.232	581.984.248

## 30. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Do hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh ắc quy và chủ yếu phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 31. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thòa

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



Phùng Trọng Tú